TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HC - TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09.11.2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa**:** Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 51A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T** - sinh năm 1970.
Địa chỉ: 06 đường P, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.
* Bị đơn: Ông **Trương Quang T** - sinh năm: 1967.
Địa chỉ: 06 đường P, quận C, TP Đà Nẵng.Vắng mặt lần 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Thuyết trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trương Quang T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C (nay là B), quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 06 đường P, quận HC, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp về tính tình và quan điểm sống từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông T thường xuyên say xỉn về đánh đập, hành hạ bà. Bà đã nhiều lần biết được ông T có quan hệ bất chính với người khác nhưng vì con cái và sợ tai tiếng nên bà im lặng chịu đựng. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng thực tế đã tự ly thân nhau đã 12 năm nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm gì với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Quang T.

+ *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung tên là Trương Ngô Quang D, sinh ngày: 30/09/1998 và Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 21/11/2007. Ly hôn, bà có

nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Ngô Duy K và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Đối với con chung Trương Ngô Quang D đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận HC đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo hoà giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập cho ông T để tham gia hoà giải nhưng tại phiên hòa giải thứ nhất vào ngày 24.9.2018, ông T trình bày ý kiến muốn đoàn tụ nhưng không chịu trình bày bằng văn bản và tự ý bỏ về không ký biên bản còn những phiên hòa giải lần sau và tại phiên tòa lần thứ nhất ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Trương Quang T, giao con chung Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 22/11/2007 cho bà Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương Quang T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Trong suốt quá trình tố tụng ông Trương Quang T vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Quang T là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Quang T.

[2] **Về nội dung:**

Bà Ngô Thị T và ông Trương Quang T tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C (nay là B) quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Trương Quang T, HĐXX thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, bà không còn yêu thương ông T vì vợ chồng bà sống ly thân gần mười hai năm nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai dù cả hai đã cố gắng hết sức nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện tốt hơn.

Đối với ông Trương Quang T tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa ông T vắng

mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ , tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T không đồng ý đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Ngô Thị T được ly hôn ông Trương Quang T.

[3] **Về quan hệ con chung**: Bà T và ông T có 02 con chung tên là Trương Ngô Quang D, sinh ngày: 30/09/1998 và Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 21/11/2007. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Ngô Duy K và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Đối với con chung Trương Ngô Quang D, sinh ngày: 30/09/1998 đã trên 18 tuổi bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét thấy: Hiên nay cháu K vẫn ở với bà T, được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc rất tốt, cháu K có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Tại phiên tòa ông T vắng mặt nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 21/11/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] **Về cấp dưỡng:** Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu và Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 21/11/2007 mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con trưởng thành. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay ông Trương Quang T có nghề lái xe, có thu nhập ổn định vì vậy hội đồng xử chấp nhận yêu cầu của bà Thuyết, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] **Về tài sản chung và về nợ chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà T phải chịu.
-- Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Áp dụng khoản 4 điều 147, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Ngô Thị T đối với ôngTrương Quang T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Xử: Cho bà Ngô Thị T được ly hôn đối với ông Trương Quang T.

2. *Về con chung:*

Xử: Giao con chung Trương Ngô Duy K, sinh ngày: 21/11/2007 cho bà Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Ông Trương

Quang T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không Trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Ngô Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0003689 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Vậy bà Ngô Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông T phải chịu theo quy định là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn).

4. Án xử sơ thẩm công khai bà Ngô Thị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quang T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TANDTP Đà Nẵng
- VKSND HC
-Chi cục THADS HC
-UBND P. B.
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự
-TANDTP Đà Nẵng
-VKSND Hải Châu
-Chi cục THADS Hải Châu
-UBND p. Thuận Phước
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**